TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-Bản án số: **12**/2023/HS-ST

-Ngày: 22/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Tài;**

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trương Hoàng Hoa**
2. Ông **Châu Văn Bình**

* *Thư ký phiên tòa:* bà **Cao Thị Thùy Trang** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* bà **Nguyễn Thị Phương Ngọc** Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 07/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C đối với bị cáo:

PHAN THANH P, sinh ngày 21/7/1993 tại tỉnh T. Số CCCD: 082093016713. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Làm thuê. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Con ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị Kiều L. Anh, chị em ruột 04 người, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình và chưa có vợ, con. Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại và có mặt tại Pên tòa.

* *Bị hại:* **Bùi Thị Kim Ng, sinh năm 1994** (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh T;

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Phan Thị Bích Tr, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Ch, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Pên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 06/9/2022, Phan Thanh P điều khiển xe mô tô biển số 63B3-405.91 đi từ thị trấn T, huyện Ch, tỉnh T chạy hướng xã H, huyện C, tỉnh T khi đi qua Ủy ban nhân dân xã H khoảng 300-400m thì P nhìn thấy chị Bùi Thị Kim Ng đang điều khiển xe mô tô theo hướng ngược chiều trên túi áo khoác có để chiếc điện thoại. Lúc này, P nảy sinh ý định cướp giật tài sản nên quay đầu xe lại chạy theo chị Ng, khi đến đoạn đường vắng thì áp sát xe mô tô chị Ng từ bên trái, dùng tay phải giật chiếc điện thoại. Sau khi giật được tài sản, P điều khiển xe bỏ chạy về nhà. Trên đường về nhà, P tháo bỏ ốp lưng điện thoại vứt bỏ dọc đường. Về đến nhà, P kiểm tra thấy điện thoại có mật khẩu nên tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 63B3-405.91 đến cửa hàng sửa điện thoại tại cầu Phú Mỹ, huyện Ch, tỉnh T (không nhớ cụ thể tên cửa hàng) để mở khóa điện thoại. Do P suy nghĩ sử dụng xe mô tô biển số 63B3-405.91 của chị Phan Thị Bích Tr, (là chị ruột của P) thì sẽ bị phát hiện nên P kể lại sự việc cướp giật tài sản trên cho chị Tr biết nên chị Tr đã cùng bị cáo tìm bị hại trả lại tài sản nhưng không tìm được nên vận động P đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ctự thú khai rõ toàn bộ hành vi cướp giật tài sản.

Theo kết luận định giá tài sản số 42/KL-ĐGTS ngày 27/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định: *01 điện thoại di động cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu Huawei Y9 2019, Rom 64GB, Ram 4GB, mua mới vào cuối năm 2020. Giá 4.390.000 đồng/cái x 01 cái x 60% = 2.634.000 đồng; 01 ốp lưng của điện thoại di động hiệu Huawei Y9 2019 bằng nhựa dẻo, màu trắng, không rõ nhãn hiệu Hội đồng không xác định được giá. Tổng giá trị tài sản là 2.634.000 đồng"* .

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKSCG ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T truy tố bị cáo Phan Thanh P về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện C giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng; qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phan Thanh P phạm tội "Cướp giật tài sản";

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Thanh P mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại được tài sản bị cướp giật và thỏa thuận bị cáo bồi thường thiệt hại 500.000 đồng, đã bồi thường xong. Tại Pên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với 01 nón bảo hiểm màu xanh loại nón Sơn; 01 nón kết bằng vải màu đen; 01 quần jean dài màu đen có chữ Homme phía sau; 01 áo khoát jean màu đen tay dài, phía sau lưng áo có chữ NewYork.

Về khoản thu lợi bất chính: Trong vụ án này, bị cáo không có thu lợi bất chính.

Về án phí: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo thống nhất với Cáo trạng, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, về hình phạt, xử lý vật chứng. Bị cáo có lời nói sau cùng, bị cáo biết mình có hành vi vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về phụ giúp gia đình, trở thành người có ích cho xã hội để làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, lời trình bày của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Pên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp**.**

[2] Tại phiên tòa, bị hại có đơn xin vắng mặt. Nhận thấy, việc vắng mặt bị hại nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với bị cáo, bị cáo đồng ý tiếp tục xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục Pên tòa xét xử đối với bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào lúc 11 giờ ngày 06/9/2022, Phan Thanh P đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Huawei Y9 2019 của bị hại trị giá 2.634.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác trong vụ án, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định:

"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm"

Vì vậy Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cđã truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

[5] Tính chất, mức độ hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, bất bình cho quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng lại không biết tu chí làm ăn lương thiện lại lười lao động. Để phục vụ mục đích của bản thân, lợi dụng đoạn đường vắng người, sơ hở, mất cảnh giác của bị hại, bị cáo sử dụng xe gắn máy biển số 63B3-405.91 là thủ đoạn nguy hiểm chạy áp sát từ phía bên trái, sau đó tăng gas và dùng tay phải giật điện thoại di động hiệu Huawei Y9 2019, trị giá 2.634.000 đồng của bị hại rồi nhanh chóng tẩu thoát nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự đồng thời nhận thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa chung cho mọi người.

Song, Hội đồng xét xử nhận thấy sau khi cướp giật tài sản, bị cáo sợ bị phát hiện và bị bắt nên đã tìm bị hại để trả lại tài sản cho bị hại nhưng không tìm được và chủ động đến Cơ quan điều tra huyện để tự thú hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử có xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo, bên cạnh đó, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định một hình phạt của khung hình phạt liền kề trong cùng Điều luật đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân:

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại Pên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại cho bị hại xong, bị cáo tự thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

+ Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét và cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

+ Đồng phạm: Vụ án này không có đồng phạm.

Đối với chị Phan Thị Bích Tr (chị ruột bị cáo), sau khi cướp giật được tài sản thì P có nói lại cho chị Tuyền biết nhưng họ đều khuyên P ra tự thú không có hành vi che giấu việc P đã làm. Do đó hành vi của chị Phan Thị Bích Tr không đủ yếu cấu thành tội "Che giấu tội phạm" theo quy định tại Điều 389 Bộ luật Hình sự và "Không tố giác tội phạm" theo quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi và bổ sung năm 2017 quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*", do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng

cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại đã nhận lại được tài sản bị cướp giật và thỏa thuận bị cáo bồi thường thiệt hại 500.000 đồng, bị cáo đã bồi thường xong. Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt và không có văn bản yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Về vật chứng:

Đối với 01 nón bảo hiểm màu xanh loại nón Sơn; 01 nón kết bằng vải màu đen; 01 quần jean dài màu đen có chữ Homme phía sau; 01 áo khoát jean màu đen tay dài, phía sau lưng áo có chữ NewYork là quần áo, đồ dùng cá nhân của bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô biển số 63B3-405.91, đây là xe mô tô Phan Thanh P sử dụng đi cướp giật tài sản. Quá trình điều tra, xác định xe mô tô trên của chị Phan Thị Bích Tr (chị ruột của P). Việc P tự ý lấy xe của chị Tr để đi công việc, sau đó sử dụng xe đi cướp giật tài sản chị Tr không biết. Quá trình điều tra, chị Truyền có đơn yêu cầu nhận lại xe nên Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trao trả cho chị Tr là có cơ sở.

[10] Đối với khoản tiền thu lợi bất chính: Trong vụ án này, bị cáo không có thu lợi bất chính nên không buộc bị cáo nộp lại.

[11] Xét ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Về tội danh, mức hình phạt, Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là tương xứng với hành vi, vai trò, nhân thân thân của bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử có xem xét, cân nhắc khi nghị án.

+ Về xử lý vật chứng Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về trách nhiệm hình sự, dân sự: Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị hại vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố bị cáo Phan Thanh P phạm tội "Cướp giật tài sản"

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi và bổ sung năm 2017

***** Xử phạt bị cáo Phan Thanh P 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành bản án.

2/ Về vật chứng:áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm màu xanh loại nón Sơn; 01 nón kết bằng vải màu đen; 01 quần jean dài màu đen có chữ Homme phía sau; 01 áo khoát jean màu đen tay dài, phía sau lưng áo có chữ NewYork.

3/ Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Thanh P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

4/ Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị hại vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa Pên tòa

*** *Nơi nhận:***
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện C;
- Cc. THADS huyện C;
- Công an huyện C;
-Nhà tạm giữ Công an huyện C;
- Bị cáo, bị hại...;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phạm Văn Tài